

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày: 15/6/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Doãn Đức Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLST-DS ngày 14/4/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 26/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2022/QĐST-DS ngày 13/9/2022; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 347/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Bà **Trần Thị L** – sinh năm 1971

Chị **Nguyễn Thị Tuyết Ng** - sinh năm 1992

Cùng trú tại: Thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức M**, sinh năm 1995 (*hợp đồng ủy quyền ngày 071/01/2021*).

Nơi cư trú: 214 N, thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thành P** sinh năm 1979

Nơi cư trú: 55A, ấp L, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 2004

Trú tại: Thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1980

(*Anh M có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Đức M trình bày:

Đại lý thức ăn Nguyễn Văn T đứng tên hộ kinh doanh là ông Nguyễn Văn T, mặt hàng kinh doanh mua bán thức ăn bột cá các loại. Ông T bỏ nhà đi từ đầu năm 2019 đến cuối năm 2019 mới quay về nhà, đến ngày 06/01/2020, ông T chết. Từ tháng 05/2019 đến tháng 6/2019 việc kinh doanh do bà Nguyễn Thị L thực hiện và đã bán cho ông Nguyễn Thành P một số lượng bột cá (cám thức ăn cho cá) với tổng số tiền mà ông P chưa thanh toán là: 340.250.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán nhưng ông P nói rằng để khi lấy đợt hàng tiếp theo sẽ thanh toán tiền hàng còn nợ cho đại lý.

Tuy nhiên, từ đó đến nay ông P không đến lấy hàng và cũng không thanh toán tiền hàng còn nợ cho đại lý.

Nay đồng nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thành P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thị Tuyết N số tiền hàng chưa thanh toán là 340.250.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và số tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,83/tháng kể từ tháng 4/2021 đến ngày xét xử là 67.777.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, không cung cấp bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài N trình bày tại đơn trình bày ngày 05/8/2022: Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thị Tuyết N là có cơ sở nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận. Về án phí: Ông Nguyễn Thành P phải nộp án phí theo quy định; hoàn trả tạm ứng án phí cho bà L, chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đồng nguyên đơn là bà Trần Thị L và chị Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành P, có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: số 55A, ấp L, xã T, huyện T, Đồng Nai (theo biên bản xác minh ngày 02/6/2020 và

ngày 12/6/2023 tại công an xã Tây Hòa) phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 340.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ tháng 4/2021 đến ngày xét xử. Nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Nguyễn Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hoài N không có yêu cầu độc lập, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.1] Ông Nguyễn Văn T là chủ đại lý thức ăn Nguyễn Văn T, ông T có vợ là bà Trần Thị L, có 02 con là chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 2004. Năm 2020, ông T chết. Cha, mẹ ông T chết trước ông Nguyễn Văn T, do đó hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm vợ và 02 con. Do vậy, vợ và các con của ông T tham gia vụ án với tư cách là đương sự trong vụ việc dân sự theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng mua bán tài sản giữa đại lý thức ăn Nguyễn Văn T (đại diện hộ kinh doanh là ông Nguyễn Văn T) và ông Nguyễn Thành P được giao kết trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết về nội dung tranh chấp của vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện:

Từ các tài liệu chứng cứ mà đồng nguyên đơn cung cấp, HĐXX nhận thấy như sau: Tại các hóa đơn mua hàng từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019 giữa đại lý Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thành P thể hiện dưới mục “*đã nhận đủ tiền*” có dòng chữ “*chưa thanh toán đủ*” hoặc “*chưa thanh toán*” là do anh L (là kế toán kiêm lái xe của đại lý) là người viết, sau đó ông Phương sẽ ký vào mục “*người nhận hàng*” để xác nhận hóa đơn.

Tại các hóa đơn mua hàng từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019 thì tổng số tiền hàng còn nợ của ông Nguyễn Thành P là 340.250.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 20/4/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trên các hóa đơn mua hàng từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019 có ký xác nhận của người mua (nhận) hàng.

Ngày 20/6/2022, Tòa án nhận được được kết luận giám định số 3152/KL-KTHS ngày 20/6/2022 của Viện khoa học hình sự - phân viện KTHS tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận: *Chữ viết, chữ ký đứng tên Phương, Nguyễn Thành P dưới mục “Người nhận hàng” trên các tài liệu ký hiệu từ A 1 đến A 7 so với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Thành P trên tài liệu ký hiệu M 1, M 2 và chữ viết dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Thành P trên tài liệu ký hiệu M 3 là do cùng một người ký, viết ra.*

Qua những phân tích đánh giá nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận việc mua bán

hàng hóa giữa đại lý thức ăn Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thành P là có thật nên yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tiền lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2021, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền chưa thanh toán từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/9/2020 với lãi suất là 1%/tháng. HĐXX nhận thấy như sau: Do các bên đang tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, không thỏa thuận thời hạn trả, tranh chấp về lãi suất với số tiền hàng chưa thanh toán. Vì vậy, cần thiết áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 buộc bị đơn phải chịu mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ, cụ thể là 10%/năm. Tuy nhiên, đối với thời gian yêu cầu tính lãi, nhận thấy do các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên không xác định được thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ thời tháng 7/2019 là không phù hợp. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu về tiền lãi như sau: Nguyên đơn yêu cầu ông P có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi đối với số tiền hàng chưa thanh toán kể từ ngày thụ lý vụ án (tháng 04/2021) đến thời điểm xét xử, cụ thể là $340.250.000 \times 24 \text{ tháng} \times 0,83\% = 67.777.000$ đồng. Do vậy, yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019, đại lý thức ăn Nguyễn Văn T đã bán một lượng thức ăn là bột cám cá cho ông Nguyễn Thành P với số tiền 340.250.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) thể hiện tại các hóa đơn bán hàng từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019 và đến nay ông P vẫn chưa thanh toán. Do đó có cơ sở xác định ông Nguyễn Thành P phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho đồng nguyên đơn với số tiền gốc là 340.250.000đ (ba trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2023 với số tiền là 67.777.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông P. Tuy nhiên, ông P không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là từ chối nghĩa vụ chứng minh trong vụ án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc từ chối nghĩa vụ chứng minh.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Thành P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí cho đồng nguyên đơn là bà Trần Thị L và chị Nguyễn Thị Tuyết N.

[8] Về quan điểm của viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 161; Điều 227;

Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271 Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 430, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 4 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Trần Thị L chị Nguyễn Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Thành P về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

[2]. Buộc ông Nguyễn Thành P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Lệ, chị Nguyễn Thị Tuyết N số tiền: 408.027.000đ (bốn trăm lẻ tám triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

+ Nợ gốc là 340.250.000đ (ba trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

+ Nợ lãi là 67.777.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thành P phải chịu 20.101.000đ (hai mươi triệu, một trăm lẻ một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị L , chị Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 9.682.000 đồng (chín triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006168 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Và Kíu

